

Số: /TM-KSBT

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm có đủ năng lực cung cấp danh mục, tiêu chí đánh giá gói dịch vụ: “Đánh giá giám sát hệ thống ISO/IEC 17025:2017 năm 2024”

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thái Nguyên kính mời Quý công ty tham gia chào giá cạnh tranh để xây dựng giá kế hoạch danh mục, tiêu chí đánh giá gói dịch vụ: “Đánh giá giám sát hệ thống ISO/IEC 17025:2017 năm 2024”, danh mục cụ thể như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên đề nghị Quý công ty gửi bản báo giá theo các tiêu chí sau:

1. Hiệu lực báo giá: 01 bản báo giá chi tiết Thuê trọn gói dịch vụ: “Đánh giá giám sát hệ thống ISO/IEC 17025:2017 năm 2024”, có giá trị trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày phát hành chào giá.

2. Hạn nộp báo giá: Trước 17h00p, ngày 12 tháng 07 năm 2024 theo các hình thức sau:

- Bản scan gửi qua email: tochucytdp@gmail.com

- Hoặc Bộ phận văn thư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Số 971, Đường Dương Tự Minh - Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại liên hệ: 02083 385 8356.

3. Giá dịch vụ: Bao gồm các loại thuế, phí và các chi phí phát sinh khác có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

4. Thanh toán: Thanh toán 01 lần bằng hình thức chuyển khoản Việt Nam đồng sau khi 2 bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng và nhà cung cấp dịch vụ trình đầy đủ các giấy tờ gồm: Hoá đơn tài chính và các giấy tờ liên quan khác kèm theo.

5. Hình thức Hợp đồng: Trọn gói

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự hợp tác từ Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, XN. (Hg)

GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư mời số /TM-KSBT ngày tháng năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên)

TT	Nội dung, danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	Đánh giá giám sát hệ thống ISO/IEC 17025:2017 năm 2024	PTN	01	

Các tiêu chí đánh giá và các phép thử được đánh giá chi tiết như sau:

TT	Tiêu chí/Tên phép thử	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo	Phương pháp thử	Tên sản phẩm, vật liệu được thử	Đơn vị tính	Số lượng
I	Các tiêu chí đánh giá					
	1. Tính khách quan (4.1) 2. Bảo mật (4.2) 3. Yêu cầu về cơ cấu (5) 4. Yêu cầu chung (6.1) 5. Nhân sự (6.2) 6. Cơ sở vật chất và điều kiện môi trường (6.3) 7. Thiết bị, hóa chất (6.4) 8. Liên kết chuẩn đo lường (6.5) 9. Sản phẩm và dịch vụ do bên ngoài cung cấp (6.6) 10. Xem xét yêu cầu, đề nghị và hợp đồng (7.1) 11. Lựa chọn, kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp (7.2) 12. Lấy mẫu (không áp dụng) (7.3) 13. Xử lý đối tượng thử nghiệm hoặc hiệu chuẩn (7.4) 14. Hồ sơ kỹ thuật (7.5) 15. Đánh giá độ không đảm bảo đo (7.6) 16. Đảm bảo giá trị sử dụng của kết quả (7.7) 17. Báo cáo kết quả (7.8) 18. Khiếu nại (7.9) 19. Công việc không phù hợp (7.10)					29

	20. Kiểm soát dữ liệu – Quản lý thông tin (7.11) 21. Lựa chọn A (8.1) 22. Tài liệu hệ thống quản lý (lựa chọn A) (8.2) 23. Kiểm soát tài liệu hệ thống quản lý (lựa chọn A) (8.3) 24. Kiểm soát hồ sơ (lựa chọn A) (8.4) 25. Hành động để giải quyết rủi ro và cơ hội (lựa chọn A) (8.5) 26. Cải tiến (lựa chọn A) (8.6) 27. Hành động khắc phục (lựa chọn A) (8.7) 28. Đánh giá nội bộ (lựa chọn A) (8.8) 29. Xem xét của lãnh đạo (lựa chọn A)(8.9)					
II	Lĩnh vực đánh giá: Hóa (28 chỉ tiêu)					
1.	Xác định hàm lượng tro tổng số		TCVN 5611:2007	Chè, sản phẩm từ chè	Nước mặt, nước ngầm, nước sạch	Chi tiêu 28
2.	Xác định hao hụt khối lượng ở 103 độ C		TCVN 5613:2007			
3.	Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ với bạc nitrat	5 mg/L	TCVN 6194:1996			
4.	Xác định tổng Canxi và Magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA	5 mg/L	TCVN 6224:1996			
5.	Xác định hàm lượng Sắt Phương pháp FAAS	0,2 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
6.	Xác định hàm lượng Mangan Phương pháp FAAS	0,1 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
7.	Xác định hàm lượng Crôm Phương pháp FAAS	0,2 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
8.	Xác định hàm lượng Đồng Phương pháp FAAS	0,2 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
9.	Xác định hàm lượng Kẽm Phương pháp FAAS	0,05 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
10.	Xác định hàm lượng Canxi Phương pháp FAAS	0,2 mg/L	SMEWW 3111B:2017			

11.	Xác định pH	2 ~ 12	TCVN 6492:2011			
12.	Xác định độ đục	0,1 NTU	TCVN 6184:1996			
13.	Xác định chỉ số Pemanganat Phương pháp chuẩn độ	0,6 mg O2/L	TCVN 6186:1996			
14.	Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện	0,001 mg/L	SMEWW 3113B:2017			
15.	Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện	0,001 mg/L	SMEWW 3113B:2017			
16.	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện	0,001 mg/L	SMEWW 3113B:2017			
17.	Xác định hàm lượng Clo dư Phương pháp UV-Vis	0,02 mg/L	HACH Method 8021			
18.	Xác định hàm lượng Clo dư Phương pháp UV-Vis	0,02 mg/L	HACH Method 8021	Đá viên		
19.	Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện	0,001 mg/L	SMEWW 3113B:2017	Nước uống đóng chai		
20.	Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện	0,001 mg/L	SMEWW 3113B:2017			
21.	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử nhiệt điện	0,001 mg/L	SMEWW 3113B:2017			
22.	Xác định hàm lượng Sắt (Fe) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	0,1 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
23.	Xác định hàm lượng Mangan (Mn) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	0,05 mg/L	SMEWW 3111B:2017			

24.	Xác định hàm lượng Đồng (Cu) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	0,1 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
25.	Xác định hàm lượng Kẽm (Zn) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	0,1 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
26.	Xác định hàm lượng Canxi (Ca) Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	0,1 mg/L	SMEWW 3111B:2017			
27.	Xác định hàm lượng tổng Canxi (Ca) và Magiê (Mg) Phương pháp chuẩn độ EDTA	5,0 mg/L	TCVN 6224:1996			
28.	Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (phương pháp Mo)	5,0 mg/L	TCVN 6194:1996			
III	Lĩnh vực đánh giá: Sinh (12 chỉ tiêu)					
1.	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 300C		TCVN 4884-1:2015	Thực phẩm	Chỉ tiêu	12
2.	Định lượng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 6846:2007			
3.	Định lượng vi khuẩn <i>Coliform</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất		TCVN 4882:2007			
4.	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 4991:2005			
5.	Định lượng <i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với coagulase và các loài khác trên đĩa thạch		TCVN 4830-1:2005			
6.	Định lượng nấm men, nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95		TCVN 8275-2:2010			
7.	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp.	eLOD50: 4 CFU/25g (mL)	TCVN 107801:2017 (ISO 6579-1:2017)			

8.	Định lượng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> Phương pháp màng lọc		TCVN 8881:2011	Nước sạch		
9.	Định lượng khuẩn đường ruột Phương pháp màng lọc		TCVN 6189- 2:2009			
10.	Định lượng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> Phương pháp màng lọc		TCVN 6187- 1:2019			
11.	Định lượng vi khuẩn <i>Coliforms</i> Phương pháp màng lọc		TCVN 6187- 1:2019			
12.	Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i>		SMEWW 9213B:2017			